

**Công ty Cổ phần
Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thông tin về Công ty

Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT **ngày 30 tháng 12 năm 2005**

Giấy chứng nhận đăng ký
đăng ký doanh nghiệp số 4103005432 **ngày 20 tháng 10 năm 2006**
0300437898 **ngày 13 tháng 12 năm 2013**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch
	Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoài An	Ủy viên
	Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên
	Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên
	Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Kiểm soát	Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Lê Hoàng	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên
	Bà Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Lầu 5, tòa nhà Petroland
Số 12 đường Tân Trào
Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 33 trong Báo cáo tài chính về khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited và Công ty TNHH Manuchar Việt Nam. Hiện tại, các công ty này đang khởi kiện Công ty về việc phải thanh toán các khoản nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán hàng hóa trong năm 2008 cùng lãi phát sinh. Đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa có phán quyết cuối cùng về các vụ kiện nêu trên và các bên đang trong quá trình đàm phán thống nhất dự thảo hòa giải ngoài tòa.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến khoản nợ tiềm tàng phát sinh từ tranh chấp với các bên thứ ba.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-904



Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		370.092.908.944	351.198.236.892
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	179.009.997.707	171.122.463.380
Tiền	111		114.509.997.707	111.518.463.380
Các khoản tương đương tiền	112		64.500.000.000	59.604.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.000.000.000	32.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	37.000.000.000	32.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.731.314.322	135.079.756.721
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	115.444.223.162	119.968.949.280
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.432.934.162	1.035.952.126
Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	35.894.774.560	22.520.146.061
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(9.040.617.562)	(8.445.290.746)
Hàng tồn kho	140		175.500	5.791.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.351.421.415	12.990.225.291
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		630.869.548	4.906.770.351
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.518.282.718	7.857.368.497
Thuế phải thu Nhà nước	153	15b	202.269.149	226.086.443

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		190.395.785.505	235.521.156.422
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.954.789.470	7.663.122.270
Phải thu dài hạn khác	216	8b	7.954.789.470	7.663.122.270
Tài sản cố định	220		80.159.250.263	73.310.747.571
Tài sản cố định hữu hình	221	10	60.446.768.406	53.342.032.650
Nguyên giá	222		134.518.875.233	120.402.682.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.072.106.827)	(67.060.649.686)
Tài sản cố định vô hình	227	11	19.712.481.857	19.968.714.921
Nguyên giá	228		22.331.234.828	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.618.752.971)	(2.362.519.907)
Bất động sản đầu tư	230	12	49.801.071.781	55.624.547.741
Nguyên giá	231		74.584.104.356	79.412.091.656
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.783.032.575)	(23.787.543.915)
Tài sản dở dang dài hạn	240		305.518.229	73.663.177.322
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	305.518.229	73.663.177.322
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	49.798.005.790	20.936.609.321
Đầu tư vào công ty con	251		37.392.586.378	6.341.370.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.175.492.779	6.334.032.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.589.789.363	11.585.694.230
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.359.862.730)	(3.324.487.688)
Tài sản dài hạn khác	260		2.377.149.972	4.322.952.197
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.377.149.972	4.322.952.197
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		560.488.694.449	586.719.393.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

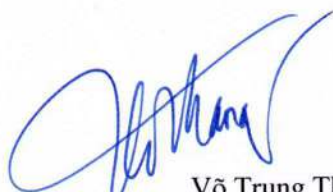
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		275.456.462.414	331.794.348.111
Nợ ngắn hạn	310		260.508.772.264	316.824.377.961
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.013.518.902	104.457.790.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.226.015.048	19.799.288.560
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15a	14.395.364.675	39.065.172.666
Phải trả người lao động	314		40.746.902.010	45.351.058.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.054.001.263	10.718.969.544
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16a	87.172.844.581	89.752.707.408
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	6.700.125.785	7.679.391.012
Nợ dài hạn	330		14.947.690.150	14.969.970.150
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16b	707.770.150	658.770.150
Vay dài hạn	338	18	13.739.920.000	13.811.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		285.032.232.035	254.925.045.203
Vốn chủ sở hữu	410	19	285.032.232.035	254.925.045.203
Vốn cổ phần	411	20	116.500.000.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.500.000.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	74.261.208.991	56.397.655.039
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	12.734.417.453	12.311.461.686
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.536.605.591	69.715.928.478
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.538.467.644	20.687.110.330
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		56.998.137.947	49.028.818.148
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		560.488.694.449	586.719.393.314

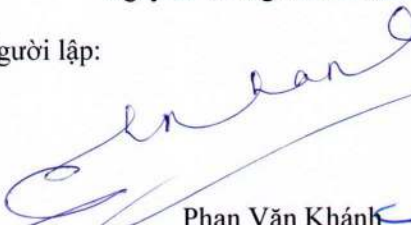
Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán



Phan Văn Khánh
Giám đốc Tài chính
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

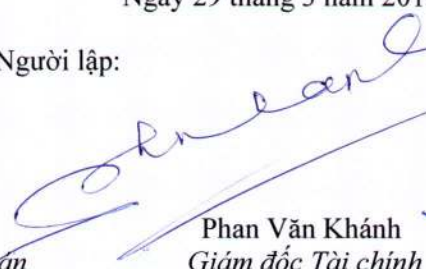
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	863.530.535.637	842.984.626.743
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	774.970.097.706	747.762.099.211
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		88.560.437.931	95.222.527.532
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	59.057.109.074	40.633.728.852
Chi phí tài chính	22	27	4.180.871.145	3.347.608.208
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	79.203.250.276	84.281.158.511
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		64.233.425.584	48.227.489.665
Thu nhập khác	31	29	5.516.790.984	11.931.183.032
Chi phí khác	32		2.165.769.694	727.433.380
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.351.021.290	11.203.749.652
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.584.446.874	59.431.239.317
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.586.308.927	9.941.419.011
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	461.002.158
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		56.998.137.947	49.028.818.148

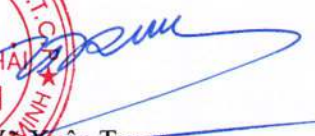
Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán


Phan Văn Khánh
Giám đốc Tài chính
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		868.481.988.243	834.303.059.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(876.014.601.825)	(800.051.522.038)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(111.769.573.158)	(89.999.183.194)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.735.738.772)	(8.294.739.293)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.091.162.282.539	1.645.219.576.567
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.945.121.091.756)	(1.542.292.680.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08		14.003.265.271	38.884.511.309

II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30.823.773.086)	(11.720.114.604)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định các tài sản dài hạn khác	22		672.607.273	749.090.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(31.000.000.000)	(33.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		26.000.000.000	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.940.000.000)	(1.072.836.000)
6. Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		16.058.448.283	10.540.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.445.770.032	30.266.716.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.413.052.502	(237.143.620)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

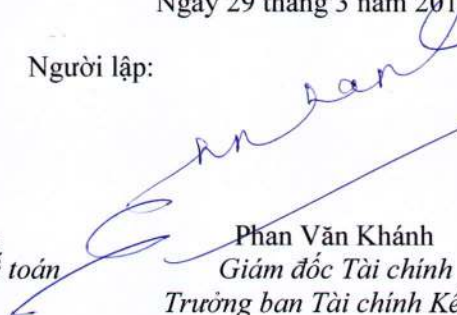
Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.381.451.185	6.921.730.003
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.381.451.185)	(4.919.229.730)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.652.200.000)	(11.656.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.652.200.000)	(9.654.099.727)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		7.764.117.773	28.993.267.962
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		171.122.463.380	141.370.181.975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		123.416.554	759.013.443
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	179.009.997.707	171.122.463.380

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán


Phan Văn Khánh
 Giám đốc Tài chính
 Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty bắt đầu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán VSA.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 703 nhân viên (1/1/2015: 706 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh 4(a) dưới đây.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không có quyền kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty cho rằng Công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh là cung cấp dịch vụ hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.434.809.165	2.151.982.876
Tiền gửi ngân hàng	112.075.188.542	109.366.480.504
Các khoản tương đương tiền	64.500.000.000	59.604.000.000
	179.009.997.707	171.122.463.380

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			Giá trị hợp lý
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	32.000.000.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	% sở hữu	31/12/2015 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	1/1/2015 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty TNHH SYMS Việt Nam (i)		-	-	-		51%	3.281.370.000	1.381.111.688
• Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (ii)		51,5%	37.392.586.378	2.359.862.730		51%	3.060.000.000	1.943.376.000
			37.392.586.378	2.359.862.730			6.341.370.000	3.324.487.688
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) (iii)		-	-	-		49%	3.158.540.000	-
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (iv)		40%	3.175.492.779	-		40%	3.175.492.779	-
			3.175.492.779	-			6.334.032.779	-
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (v)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	533.047.323	-		0,27%	528.952.190	-
			11.589.789.363	-			11.585.694.230	-
			52.157.868.520	2.359.862.730			24.261.097.009	3.324.487.688

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009. Công ty đã giảm ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con, bao gồm 3.281.370.000 VND và khoản dự phòng giảm giá đầu tư 1.381.111.688 VND, cân trừ với khoản tiền giữ hộ đơn vị này. Số tiền giữ hộ còn lại ghi nhận trong phải trả ngắn hạn khác là 3.737.387.440 VND (thuyết minh 16(a)).
- (ii) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (“VOSALAND”) thực hiện thỏa thuận góp vốn, trong đó Công ty cam kết góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000.000.000 VND tiền mặt. Đến quý 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào VOSALAND. Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ VND, giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411021000026 ngày 24 tháng 10 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đã đầu tư 3.158.540.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ, vào Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam). Trong năm 2015, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị này cho nhà đầu tư chi phối của đơn vị, Nippon Yusen Kabushiki Kaisha, với giá bán là 16.058.448.283 VND. Biên bản họp ngày 3 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) cũng cho biết thêm ngoài giá thanh lý, Công ty sẽ được chia 49% trên số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của đơn vị tại thời điểm thanh lý. Khoản lợi nhuận còn lại phải thu 8.934.416.969 VND đã được ghi nhận trong phải thu ngắn hạn khác (thuyết minh 8(a)).
- (iv) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Sdn Bhd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
- (v) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	18.946.868.061	-
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	13.186.417.987	12.438.653.981
Công ty TNHH SDV Việt Nam	2.009.151.665	14.200.415.276
Các khách hàng khác	81.301.785.449	93.329.880.023
	115.444.223.162	119.968.949.280

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	115.444.223.162	119.968.949.280

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	355.340.831	355.340.831
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	198.653.400	-
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	660.000	-
	680.064.914	480.751.514

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	9.471.635.953	7.276.522.631
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.934.416.969	50.000.000
Tạm ứng nhân viên	7.006.823.514	5.554.979.786
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.182.328.888	1.502.470.833
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.116.345.000	1.560.118.750
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	91.411.126	43.308.400
Phải thu khác	6.091.813.110	6.532.745.661
	35.894.774.560	22.520.146.061

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	7.954.789.470	7.663.122.270

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2015					1/1/2015				
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Nợ quá hạn									
Daiichi Chuo									
Marine Co., Ltd.	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	
Khách hàng khác	Trên 3 năm	3.123.937.018	3.123.937.018	-	Trên 3 năm	1.811.062.120	1.811.062.120	-	
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	397.256.524	278.079.567	119.176.957	Từ 2 – 3 năm	841.243.686	588.870.580	252.373.106	
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Từ 1 – 2 năm	649.103.132	321.714.669	327.388.463	
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	2.140.000	-	2.140.000	Dưới 1 năm	492.492.474	147.747.742	344.744.732	
		9.224.639.860	9.040.617.562	184.022.298			9.369.797.047	8.445.290.746	924.506.301

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi ngắn hạn

9.040.617.562

8.445.290.746

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.737.511.172	38.015.819	42.679.339.304	4.947.816.041	120.402.682.336
Tăng trong năm	2.971.308.501	-	586.554.545	149.860.455	3.707.723.501
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.172.486.487	-	-	-	11.172.486.487
Thanh lý	-	-	(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số dư cuối năm	86.881.306.160	38.015.819	42.543.876.758	5.055.676.496	134.518.875.233
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.948.524.663	38.015.819	26.320.880.097	3.753.229.107	67.060.649.686
Khấu hao trong năm	3.373.839.641	-	3.918.922.067	482.712.524	7.775.474.232
Thanh lý	-	-	(722.017.091)	(42.000.000)	(764.017.091)
Số dư cuối năm	40.322.364.304	38.015.819	29.517.785.073	4.193.941.631	74.072.106.827
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	35.788.986.509	-	16.358.459.207	1.194.586.934	53.342.032.650
Số dư cuối năm	46.558.941.856	-	13.026.091.685	861.734.865	60.446.768.406

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.371.253.438 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 28.267.117.419 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	688.087.149	1.674.432.758	2.362.519.907
Khấu hao trong năm	225.218.414	31.014.650	256.233.064
Số dư cuối năm	913.305.563	1.705.447.408	2.618.752.971
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.658.568.379	310.146.542	19.968.714.921
Số dư cuối năm	19.433.349.965	279.131.892	19.712.481.857

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 123.700.000 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	79.412.091.656
Thanh lý	(3.298.174.000)
Giảm khác	(1.529.813.300)
Số dư cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	23.787.543.915
Khấu hao trong năm	4.293.662.660
Thanh lý	(3.298.174.000)
Số dư cuối năm	24.783.032.575
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	55.624.547.741
Số dư cuối năm	49.801.071.781

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc định giá. Không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Công ty.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	73.663.177.322	51.018.050.839
Tăng trong năm	9.388.372.824	42.942.240.680
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.172.486.487)	(20.277.114.197)
Góp vốn vào công ty con	(32.392.586.378)	-
Giảm khác (i)	(39.180.959.052)	(20.000.000)
Số dư cuối năm	305.518.229	73.663.177.322

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Trong năm 2013 và 2014, Công ty đã chi hộ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 39.180.959.052 VND tiền sử dụng đất cho khu đất 1.836 m² tại địa chỉ số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ hình thức thuê đất sang giao đất theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện nghĩa vụ đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 13373/TB-CT-KTTĐ ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi trừ các khoản chi phí tư vấn, thẩm định và tiền chi bồi thường, hỗ trợ về đất mà Công ty đã chi trước đó). Ngày 6 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền trên từ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam và đã ghi giảm xây dựng cơ bản dở dang.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án nhà văn phòng Vitamas	305.518.229	288.718.229
Chi phí xây dựng cơ bản tại lô đất số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	-	71.234.485.590
Dự án sửa chữa khách sạn của VOSA Quảng Ninh	-	1.910.665.776
Chi phí sửa kho IC VOSA Quảng Ninh	-	229.307.727
	305.518.229	73.663.177.322

14. Các khoản phải trả người bán

- (a) **Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn	13.429.265.853	13.429.265.853	8.595.254.396	8.595.254.396
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	4.321.481.182	4.321.481.182	12.770.889.591	12.770.889.591
Các nhà cung cấp khác	66.262.771.867	66.262.771.867	83.091.646.722	83.091.646.722
	84.013.518.902	84.013.518.902	104.457.790.709	104.457.790.709

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	84.013.518.902	84.013.518.902	104.457.790.709	104.457.790.709

(c) Phải trả người bán là bên liên quan:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.695.491	1.695.491	664.470	664.470
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.714.238.374	2.714.238.374	4.009.681.458	4.009.681.458
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	-	251.173.190	251.173.190
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	28.374.957	28.374.957	9.610.233	9.610.233
	2.744.308.822	2.744.308.822	4.271.129.351	4.271.129.351

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	525.377.901	12.923.293.404	(12.879.040.021)	569.631.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.555.724.807	10.586.308.927	(12.735.738.772)	1.406.294.962
Thuế thu nhập cá nhân	648.659.045	2.981.354.470	(2.971.656.854)	658.356.661
Thuế nhà đất	-	83.296.536	(83.296.536)	-
Tiền thuê đất	22.911.469.387	3.895.067.156	(26.368.297.543)	438.239.000
Các loại thuế khác	11.093.572.518	41.741.537.654	(41.512.267.404)	11.322.842.768
Các khoản phải nộp khác				
Các khoản phụ thu	330.369.008	666.579.563	(996.948.571)	-
Phí, lệ phí	-	302.659.840	(302.659.840)	-
	39.065.172.666	73.180.097.550	(97.849.905.541)	14.395.364.675

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập cá nhân	226.086.443	22.448.450	(46.265.744)	202.269.149

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	48.189.867.415	47.087.144.335
Ký ngân của các hãng tàu	12.244.568.320	21.199.467.400
Cổ tức phải trả	8.360.724.825	207.924.825
Phải trả Manuchar Hong Kong Limited	8.342.091.909	8.342.091.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.684.071.720	5.314.632.029
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	5.637.645.752
Kinh phí công đoàn	1.176.114.256	1.170.553.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	33.500.888	68.195.659
Phải trả khác	404.517.808	725.051.576
	87.172.844.581	89.752.707.408

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	628.763.838	619.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng Ocean Park của Europac Shipping	79.006.312	39.006.312
	707.770.150	658.770.150

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	7.679.391.012	9.196.865.132
Trích lập trong năm (thuyết minh 19)	5.977.745.115	4.162.285.919
Sử dụng trong năm	(6.957.010.342)	(5.679.760.039)
 Số dư cuối năm	 6.700.125.785	 7.679.391.012

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.977.745.115 VND (2014: 4.162.285.919 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

18. Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (i)	VND	Không	2019	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	6.739.920.000	6.811.200.000
				 13.739.920.000	 13.811.200.000

- (i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 2/ĐLHH-ĐQH ngày 1 tháng 4 năm 2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 1 tháng 4 năm 2019 và không chịu lãi.
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	116.500.000.000	47.609.219.421	10.418.416.972	47.342.416.581	221.870.052.974
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	49.028.818.148	49.028.818.148
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	8.788.435.618	2.054.584.714	(10.843.020.332)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(4.162.285.919)	(4.162.285.919)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(11.650.000.000)	(11.650.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(161.540.000)	-	(161.540.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	116.500.000.000	56.397.655.039	12.311.461.686	69.715.928.478	254.925.045.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	56.998.137.947	56.998.137.947
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.863.553.952	1.531.161.767	(19.394.715.719)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.977.745.115)	(5.977.745.115)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(19.805.000.000)	(19.805.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.108.206.000)	-	(1.108.206.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	81.536.605.591	285.032.232.035

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 6 năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 19.805.000.000 VND (1.700 VND trên một cổ phiếu) (2014: 11.650.000.000 VND (1.000 VND trên một cổ phiếu)).

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31/12/2015, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2015: 11.650.000.000 VND) và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 1.084.417.453 VND (1/1/2015: 661.461.686 VND).

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.823.881 USD	63.353.988.584	3.295.729 USD	70.474.764.423

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	13.943.261.896	15.778.777.922
Từ hai đến năm năm	266.772.495.212	277.010.219.600
Sau năm năm	739.583.333	764.583.333
	<u>281.455.340.441</u>	<u>293.553.580.855</u>

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu đại lý vận tải	521.524.189.511	523.720.612.188
Doanh thu kho ngoại quan	119.661.503.982	80.515.646.473
Doanh thu cho thuê phương tiện	64.591.577.863	61.386.178.617
Doanh thu đại lý tàu rời	54.208.713.071	48.210.309.110
Doanh thu đại lý liner	27.169.380.135	31.637.655.475
Doanh thu tạm nhập tái xuất	23.332.720.829	23.808.022.828
Doanh thu kiểm kiện	20.809.433.879	19.495.076.474
Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	12.277.563.512	30.876.084.912
Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	11.565.943.223	13.960.492.411
Doanh thu dịch vụ khác	8.389.509.632	9.374.548.255
	863.530.535.637	842.984.626.743

25. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	79.690.476.529	78.731.908.807
Chi phí khấu hao	9.844.280.008	10.032.688.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.444.405.280	640.652.356.512
Chi phí khác	22.990.935.889	18.345.145.358
	774.970.097.706	747.762.099.211

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	6.000.112.296	4.765.675.373
Cổ tức và lợi nhuận được chia	29.989.146.952	26.290.243.885
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	12.899.908.283	6.324.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.535.997.567	3.253.809.594
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	631.943.976	-
	59.057.109.074	40.633.728.852

27. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	416.486.730	(1.033.632.862)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.741.140.030	3.814.187.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	558.385.844
Chi phí tài chính khác	23.244.385	8.667.960
	4.180.871.145	3.347.608.208

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	40.083.796.335	38.763.571.835
Chi phí khấu hao	2.481.089.948	3.073.872.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.717.077.232	31.851.593.302
Chi phí khác	5.921.286.761	10.592.120.744
	79.203.250.276	84.281.158.511

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	672.607.273	749.090.908
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	4.538.968.726	10.950.156.217
Các khoản khác	305.214.985	231.935.907
	5.516.790.984	11.931.183.032

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí nhân công	119.774.272.864	117.495.480.642
Chi phí khấu hao	12.325.369.956	13.106.561.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.161.482.512	672.503.949.814
Chi phí khác	28.912.222.650	28.937.266.102
	254.113.348.982	170.042.857.722

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	9.973.091.390	9.159.654.411
Dự phòng thiếu trong những năm trước	613.217.537	781.764.600
	10.586.308.927	9.941.419.011
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập việc ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	461.002.158
Chi phí thuế thu nhập	10.586.308.927	10.402.421.169

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.584.446.874	59.431.239.317
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.868.578.312	13.074.872.650
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.702.125.408	2.329.637.574
Thu nhập không bị tính thuế	(6.597.612.330)	(5.783.853.655)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	613.217.537	781.764.600
	10.586.308.927	10.402.421.169

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	10.111.260.000	5.947.800.000
Chi phí thuê văn phòng	921.600.000	921.600.000
Tiền điện phải trả	12.846.030	13.555.185
Chi phí dịch vụ phải trả	2.181.820	664.470
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Doanh thu cho thuê văn phòng	91.800.000	91.800.000
Góp vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	32.392.586.378	-
Góp vốn điều lệ bằng tiền	1.940.000.000	-
Nhận tiền thuê đất năm 2010, 2011 và các khoản khác	827.891.121	-
Nhận tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	39.180.959.052	-
Nhận tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	767.481.206	-
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam		
Cổ tức được chia	8.934.416.969	6.860.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	764.345.950	963.561.644
Chi phí dịch vụ phải trả	-	67.649.081
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	4.484.836.482	2.994.315.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	372.486.910
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	50.000.000	25.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	433.045.329	272.341.129
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	229.754.661
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	426.169.532	49.220.118

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.034.223.300	-
Chi phí dịch vụ phải trả	-	12.040.223.169
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.394.416	-
Chi phí dịch vụ phải trả	-	392.200.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.859.999	184.900.001
Chi phí dịch vụ phải trả	38.886.364	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.634.545	1.651.243.918
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang		
Chi phí dịch vụ phải trả	114.570.369	4.582.017.656
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh		
Chi phí dịch vụ phải trả	21.269.115	3.290.754.540
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
Chi phí dịch vụ phải trả	433.438.554	397.053.110
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	2.149.081.797
Nhận cung cấp dịch vụ	-	26.481.430
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ		
Chi phí dịch vụ phải trả	108.152.584	199.835.319
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.034.223.300	-
Chi phí dịch vụ phải trả	18.450.000	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	548.004.600	-
Chi phí dịch vụ phải trả	3.000.001	-
Công ty Vận tải biển Vinalines		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.724.800	-

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.636.364	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	5.479.200.395	4.900.885.891
Phụ cấp	862.153.270	1.472.044.597
Thưởng	552.325.772	565.320.618

33. Các khoản nợ tiềm tàng

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (“Chi nhánh”) đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar NV (trụ sở tại Vương quốc Bỉ) (“Manuchar NV”) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Hợp đồng phân phối này đã chấm dứt năm 2008.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited (“Manuchar Hong Kong”) đã khởi kiện đòi Công ty phải thanh toán số tiền 5.965.008,84 USD (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến 33 hợp đồng mua bán hàng hóa trong năm 2008 là 4.886.233,84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1.078.775 USD) tương đương 127.531.888.999 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD). Công ty trình bày rằng Chi nhánh chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong theo hợp đồng nhà phân phối. Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên và Chi nhánh chỉ còn phải trả Manuchar Hong Kong số tiền 14.328,40 USD tương đương 306.341.192 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD), đây là số tiền hàng thiếu hụt trong quá trình giao nhận của 33 hợp đồng mà Chi nhánh phải đền bù. Do Công ty và Manuchar Hong Kong không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên đã đưa vụ kiện ra Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam (“Manuchar Việt Nam”) tiếp tục gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền là 89.433.958.452 VND (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 66.991.729.178 VND và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 là 22.442.229.274 VND). Vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo hồ sơ thụ lý số 1279/2011/KTST ngày 29 tháng 12 năm 2011 và tạm đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 03/2012/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2012 do chờ kết quả giải quyết của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn, ngoài khoản phải trả là 8.342.091.909 VND đã được ghi nhận trong phải trả ngắn hạn khác (thuyết minh 16(a)). Theo thư xác nhận từ luật sư của Công ty, Manuchar Hong Kong trong tháng 2 năm 2016 đã gửi dự thảo hòa giải ngoài tòa cho Công ty, theo đó chỉ yêu cầu Công ty thanh toán số tiền 8.342.091.909 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này hai bên vẫn đang trong quá trình đàm phán thống nhất dự thảo hòa giải ngoài tòa này.

Công ty Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

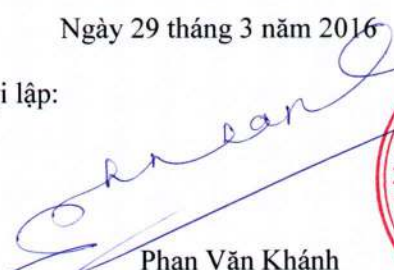
Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	22.520.146.061	15.405.047.525
Tài sản ngắn hạn khác	-	14.115.098.536
Phải thu dài hạn khác	7.663.122.270	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.585.694.230	-
Đầu tư dài hạn khác	-	18.585.694.230
Tài sản dài hạn khác	-	663.122.270
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.718.969.544	11.218.969.544
Chi phí phải trả dài hạn	500.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.078.008.426
Quỹ đầu tư và phát triển	56.397.655.039	44.319.646.613

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán


Phan Văn Khánh
Giám đốc Tài chính
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc